TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/ 2017/ HSST
Ngày 11 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH - TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Viết Vĩnh.
2. Bà Dương Thị Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 77/ 2017/ HSST, ngày 22 tháng 6 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và Tên: **ĐỖ VĂN T**, sinh năm 1993.
Nơi ĐKHKTT: Xóm Ph, xã L, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên.
Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 9/12;
Nghề nghiệp: Lái xe.
Bố là: Đỗ Văn K, sinh năm: 1969; mẹ là: Lương Thị O, sinh năm: 1974.
Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.
Có vợ là: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1991 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017.
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.
(Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại:

1. Anh Dương Xuân Đ, sinh năm: 1978.

Nơi thường trú: Xóm Q, xã Th, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Chị Dương Thị M, sinh năm: 1979.

Nơi thường trú: Xóm Q, xã Th, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1991.

Nơi thường trú: Xóm Ph, xã L, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người làm chứng:

1. Anh Trần Danh K, sinh năm: 1980.

Nơi thường trú: Tổ 2, thị trấn H, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Chị Trịnh Thanh H, sinh năm: 1990.

Nơi thường trú: Xóm K, xã X, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Anh Phạm Quang H, sinh năm: 1985.

Nơi thường trú: Xóm S, xã Kh, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Bị cáo Đỗ Văn Tbị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình truy tố về hành vi phạm tội, như sau:

Vào cuối tháng 3/2017, Đỗ Văn T lái xe ô tô tải thuê cho anh Dương Xuân Đ, sinh năm 1978, trú tại: Xóm Q, xã Th, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng 11h00 ngày 14/4/2017 Đỗ Văn T cùng anh Dương Xuân Đ, điều khiển xe BKS 20C-025.41 từ nhà đi vào tỉnh Thanh Hóa để lấy hàng, khi đi anh Đ mang theo 31.770.000^{đ} và để trong cốp xe. Sau khi mua hàng xong T lái xe ô tô tải chở anh Đ đi về đến nhà anh Đ lúc đó khoảng 03 h30 phút ngày 15/4/2017, T cất xe ô tô xong và đưa trả chìa khóa điện cho anh Đ rồi lấy xe mô tô của mình đi về nhà ngủ. Về

đến nhà, khi T thay quần áo thì thấy 01 chiếc chìa khóa mở tay xe ô tô tải của anh Đ ở trong túi quần của mình do chị M là vợ anh Đ đưa cho T trước đó nhưng T quên chưa trả lại cho anh Đ. T liền nảy sinh ý định dùng chìa khóa xe ô tô đến nhà anh Đ để trộm cắp tài sản trên xe ô tô tải. Thực hiện ý định của mình, T điều khiển xe mô tô BKS 20G1-025.94 của bố đẻ của T là ông Đỗ Văn K và mang theo chìa khóa xe ô tô đi quay lại nhà anh Đ. Đến nơi, T dừng xe trước đầu xe tải 20C- 025. 41, xuống xe lấy chìa khóa mở cửa bên lái xe ô tô, rồi trèo lên ghế lái dùng tay phải mở cốp xe phát hiện có một cọc tiền được cuốn bằng giấy hóa đơn, được chằng buộc bằng dây chun và một túi giấy tờ xe để trên ca bin xe. T lấy toàn bộ số tiền và giấy tờ xe rồi xuống xe khóa lại cửa xe như cũ, rồi lấy xe mô tô đi về nhà. Khi T về đến nhà khoảng 4 giờ sáng, lúc này cả gia đình T vẫn đang ngủ, T cất số tiền và giấy tờ xe vừa trộm cắp được của anh Đ vào dưới gối rồi nằm ngủ đến khoảng 6 giờ 30 sáng khi T ngủ dậy, T lấy số tiền ra kiểm tra và đếm được 31.770.000đ gồm nhiều mệnh giá khác nhau, sau đó T sử dụng 18.400.000đ để trả nợ, mua sắm đồ dùng cá nhân còn lại 2.100.000đ, buổi tối cùng ngày 16/4/2017 T đem toàn bộ giấy tờ cá nhân mà T đã lấy trộm được của anh Đ đến khu vực tam giác Cầu Mây. T gặp chị Trịnh Thanh H, sinh năm 1990 có hộ khẩu thường trú: xóm Kiều Chính, xã Xuân Phương, để nhờ chị H gọi tắc xi trả lại cho anh Đ, sau khi anh Đ nhận lại số giấy tờ trên, anh Đ đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Tại cơ quan điều tra, qua đấu tranh khai thác T còn khai nhận. Trước đó khoảng 4 đến 5 ngày, T lái ô tô tải biển kiểm soát 20C- 025. 41 chở anh Đ đi mua hàng, khi đi anh Đ mang theo 34.000.000đ để bên cạnh chỗ ngồi của mình. Khi xe đi được khoảng 300m, anh Đ bảo T dừng xe đỗ xe ở rìa đường rồi xuống xe giải quyết việc riêng. T ngồi trên xe thấy số tiền của anh Đ trên ghế phụ, T liền rút trộm số tiền 5.300.000đ đút vào túi của mình. Khoảng 15 phút sau, anh Đ đi lên xe rồi cùng T đi tiếp. Sau khi mua hàng xong trên đường về chợ T thuộc phường T, thành phố Th, tỉnh Thái Nguyên chủ hàng ở Thanh Hóa gọi điện anh Đ thông báo số tiền hàng anh Đ trả còn bị thiếu mất 5.300.000đ. Lời khai nhận của T phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng nêu trong vụ án cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án là: 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Dương Xuân Đ, 01 giấy chứng nhận đăng ký, 01 chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe tải BKS 20C-025.41 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đ quản lý và sử dụng. Đối với 01 chìa khóa xe ô tô, dạng hình chữ T, phần nhựa có chữ H. Công an huyện Phú Bình đã nhập kho vật chứng theo quy định. Qúa trình điều tra T đã tự giác giao nộp số tiền 37.070.000đ để khắc phục

hậu quả. Anh Đ tiếp tục yêu cầu T bồi thường tiếp số tiền anh Đ phải thuê xe trong 3 ngày để đi lấy hàng sau khi bị T lấy mất giấy tờ xe là 15.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 77/ KSĐT ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình đã truy tố Đỗ Văn Tvề tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong phần tranh luận vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình đã trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009

Xử phạt: Đỗ Văn T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 591 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo T phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là 52.070.000đ, trong đó đã bồi thường trước là 37.070.000đ còn phải bồi thường tiếp là 15.000.000đ cho anh Đ và chị M.

Vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho anh Dương Xuân Đ và chị Dương Thị M số tiền 37.070.000^{đ} ; 01 chìa khóa xe ô tô, dạng hình T, phần nhựa có chữ H.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cở sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo Đỗ Văn T tại phiên tòa sơ thẩm là tự nguyện, khách quan. Vì, lời khai đó của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, biên bản thu giữ đồ vật tài liệu, lời khai của người bị hại, người làm chứng… và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Trên cơ sở đó, vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình đã đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo như cáo trạng đã truy tố và đưa ra những căn cứ pháp lý về hướng xử lý đối với vụ án, như: Tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo và án phí của vụ án. Hội đồng xét xử, xác định những đề nghị nêu trên của Kiểm sát viên là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ:

Về tội danh: Căn cứ vào sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định:

Đỗ Văn T là lái xe tải thuê cho anh Dương Xuân Đ từ tháng 3 năm 2017. Trong quá trình lái xe cho anh Đ, T đã lợi dụng sơ hở của anh Đ nhiều lần trộm cắp tiền của anh Đ. Cụ thể: Vào ngày 15/ 4/ 2017 T mở cửa xe ô tô tải BKS 20C-025.41 trộm cắp 31.770.000^{đ} do anh Đ để trong cốp xe ô tô; và trước ngày 15/4/2017 khoảng 4 đến 5 ngày, T đã trộm cắp của anh Đ số tiền 5.300.000^{đ}. Tổng số tiền T đã trộm cắp của anh Đ là 37.070.000^{đ}.

Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Đỗ Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Nội dung Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xác định:

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", khung hình phạt mà bị cáo phải chịu trách nhiệm thuộc trường hợp là tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo nhận thức rõ việc xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác là gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo bằng pháp luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi thực hiện tội phạm của mình; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Xét nhân thân, tính chất mức độ tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

Đồng thời xét, bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nơi cư trú rõ ràng, có đơn xin cải tạo địa phương và được xác nhận. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng biện pháp cải tạo cách ly đối với bị cáo mà áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự cho bị cáo T được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung và thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà sơ thẩm, anh Đ và chị M (là người bị hại trong vụ án) yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 37.070.000đ do T trộm cắp của anh chị, ngoài ra yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền 15.000.000đ do anh Đ phải thuê xe trong ba ngày đi lấy hàng vì không có giấy tờ xe.

Bị cáo T nhất trí bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của anh Đ và chị M nêu trên.

Về hướng xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho anh Dương Xuân Đ và chị Dương Thị M số tiền 37.070.000đ ; 01 chìa khóa xe ô tô, dạng hình T, phần nhựa có chữ H.

Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Cần buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm (có giá ngạch tương ứng với khoản tiền còn phải bồi thường tiếp) nộp sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Thông báo cho bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009; xử phạt:

Đỗ Văn T **09** (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 11 tháng 8 năm 2017).

Giao bị cáo Đỗ Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Trách nhiệm dân sự (Bồi thường thiệt hại): Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự và các 357; Điều 584; 585; 591 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải bồi thường thiệt hại cho Người bị hại (là anh Dương Xuân Đ và chị Dương Thị M) với tổng các khoản thiệt hại (Gồm: Tiền bị mất cắp và tiền thuê xe trong ba ngày) được xác định thành tiền là: 52.070.000đ (Năm mươi hai triệu không trăm bẩy mươi nghìn đồng), được trừ đi khoản tiền mà bị cáo đã bồi thường trước là 37.070.000đ (Ba mươi bẩy triệu không trăm bẩy mươi nghìn đồng), bị cáo phải bồi thường tiếp là: 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho anh Dương Xuân Đ và chị Dương Thị M số tiền 37.070.000đ (Ba mươi bẩy triệu không trăm bẩy mươi nghìn đồng); 01 (Một) chìa khóa xe ô tô, dạng hình T, phần nhựa có chữ H.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 6 năm 2017 và ủy nhiệm chi số 119 ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên).

4. Án phí hình sự và dân sự (có giá ngạch) sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 6 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và 750.000đ (Bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (có giá ngạch), nộp sung quỹ Nhà nước.

Án xét xử hình sự sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo (Đỗ Văn T); Người bị hại (anh Dương Xuân Đ, chị Dương Thị M); Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị L). Báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ích Yên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (1 bản);
- VKS ND huyện Phú Bình (02 bản);
- Công an huyện Phú Bình (02 bản);
- T.H.A DS huyện Phú Bình (01 bản;)
- Bị cáo.
- Người bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.